

HẢI PHÒNG

VÙNG ĐẤT "BỊ LÃNG QUÊN" THỜI LÊ SƠ

NGUYỄN HẢI KẾ*

1. "... Vua ngự đến trị sở của thừa tuyên... hỏi quan thừa tuyên là bọn Phạm Du về những khó khăn của dân và ban tiền cho bọn Du và tri phủ Nguyễn Tự theo thứ bậc khác nhau" (a)

"... Triệu Thái sư Đinh Liệt, Thái bảo Nguyễn Lỗi, Lê Niệm, và Ngũ phủ Trịnh Văn Sái vào cửa Gia Hựu họp bàn phương sách đánh giặc cỏ. Lại sai Kiêu vệ điệp tổng tri Lê Công Nghi dẫn quân Ngũ phủ đi ứng cứu, cho phép chém trước tàu sau, phát 3 vạn thăng gạo kho sai người phủ Trung đô làm lương chở tới... cung cấp cho quân lính" (b) (1).

Những cử chỉ chân tình, sâu sát, hoặc việc khẩn trương họp bàn với các vị trọng thần, đốc thúc triều đình, quan quân của Lê Thánh Tông vào năm 1467 mà *Đại Việt sử ký toàn thư* (viết tắt là *Toàn thư*) ghi trên, không xảy ra, không liên quan gì đến mảnh đất và con người Hải Phòng cả, mà (a) thì diễn ra ở Thiên Trường, và (b) liên quan đến vùng An Bang!

Nói về Hải Phòng thế kỷ XV mà lại nói đến vùng Nam Định, Quảng Ninh!

Trong hiếm hoi các sự kiện, các nhân vật ở địa phương nói chung mà chính sử phong kiến đề cập, so với các địa phương

khác cùng ven biển Bắc Bộ, về thời Lê Sơ (1427-1527) thì vùng đất Hải Phòng càng đặc biệt ít ỏi hơn, nếu như không muốn nói rằng đó là vùng đất như "bị bỏ quên".

(Xin lưu ý rằng: Trong khi nhiều thời kỳ lịch sử của Hải Phòng như thời tiền, sơ sử, thế kỷ X, XIII, XVI,... đã có ít nhất một công trình hoặc một hội nghị, hội thảo khoa học, thì nghiên cứu thế kỷ XV của vùng đất này còn ít được chú ý, nếu như không nói là chưa có một kết quả nào. Điều này hoàn toàn khác với việc nghiên cứu thế kỷ XV, thời Lê Sơ của cả nước cũng như trong khu vực cụ thể như Thăng Long, Thanh Hoá, Nghệ An,... được đề cập không ít) (2).

- Không nên và không thể quên thời gian - lịch sử là dòng chảy không ngừng.

- Trong khi cố gắng tập hợp cao nhất nguồn tư liệu trực tiếp có liên quan, soi rọi sự kiện qua/từ nhiều góc độ có thể, còn và nhất định phải đặt thế kỷ XV của vùng đất Hải Phòng trong mối liên quan với XVI, đặt Hải Phòng thời Lê sơ so với các khu vực vùng ven biển khác của Bắc Bộ đương thời. Trên cơ sở so sánh cùng cấp độ, hy vọng tìm ra những thông tin, những giả thiết công tác. Nói cách khác trong khi

* PGS. TSKH. Khoa Lịch sử - Trường Đại học KHXH&NV (Hà Nội).

cùng tiến hành tăng cường tập hợp khai thác các nguồn tư liệu tại chỗ ở vùng Hải Phòng, hướng tiếp cận, khai thác thông tin từ việc so sánh khu vực vốn đã là một yêu cầu được đặt ra trong việc tìm hiểu lịch sử địa phương, khu vực, thì đối với việc trở về lịch sử Hải Phòng thời Lê Sơ phải vòng qua một vài khu vực khác đương thời càng được đặt ra, đòi hỏi như là một tất yếu.

2. Chọn 3 khu vực tiêu biểu của vùng ven biển Bắc Bộ để tập hợp, thống kê mọi tín hiệu có liên quan là:

- Quảng Ninh (từ Đông đạo năm 1428- đến An Bang từ 1466) = khu vực 1.

- Hải Phòng (lộ Hạ Hồng, phần Nam Sách hạ trong Đông đạo rồi phần phủ Hạ Hồng, phần phủ Nam Sách, phần phủ Kinh Môn của Thừa tuyên Hải Dương) = khu vực 2.

- Nam Định (Thiên Trường trong Nam đạo 1428, rồi phủ Thiên Trường, phủ Nghĩa Hưng của Thừa tuyên Thiên Trường 1466, Sơn Nam từ năm 1469) = khu vực 3.

Những tín hiệu đó bao gồm:

- Các dạng hoạt động, các sự kiện trực tiếp diễn ra trên địa bàn.

- Việc chuyển chuyển (tăng bổ, bãi nhiệm), các chức vụ, danh hiệu có tên gọi liên quan đến các địa phương (dù chỉ là nhắc đến tên, gắn với tên địa phương).

(Đương nhiên những số liệu này chưa phải là tổng số các sự kiện có liên quan đã diễn ra, bởi có không ít sự kiện có liên quan trực tiếp đến hoạt động của vua Lê mà chính sử không chép, nhưng các nguồn tài liệu khác và ngay cả tài liệu đương đại lại chỉ ra chắc chắn, chẳng hạn: sự kiện vua Lê Thánh Tông đi Đông tuần, tập trận ở vùng cửa biển Bạch Đằng cuối Thu năm Đinh Hợi

(1467) thì từ *Toàn thư* đến *Khâm định Việt sử thông giám Cương mục* đều không chép, trong khi *Thơ văn Lê Thánh Tông* (3) và *Đại Nam nhất thống chí* lại ghi rõ chuyện này .v.v...).

3. Từ tập hợp thống kê bước đầu như vậy (4), có một vài nhận xét:

- Mặc dù về tổng số các sự kiện, các chi tiết theo tiêu chí đã nêu trên của cả ba khu vực không chênh lệch nhau mấy. Nhưng điều đáng lưu ý là: khu vực 1 và 3 các sự kiện của thế kỷ XV được chép nhiều hơn so với khu vực 1. Giai đoạn sau, tức là 1/4 đầu thế kỷ XVI, khu vực 2 nhiều sự kiện hơn.

- Khu vực 1 và 3 trong triều Lê Thánh Tông rõ ràng được quan tâm, cuốn hút sự chú ý của chính quyền trung ương hơn.

Khu vực 1 = An Bang, do vị trí địa - quân sự của mình, đương nhiên không phải chỉ đến nửa sau thế kỷ XV mới được quan tâm. Tuy nhiên, dưới triều Lê Thánh Tông vùng An Bang "góc biển chân trời", "núi sông dài dằng dặc, con người nơi ngàn dặm" (*son xuyên di lệ nhân thiên lý*) càng khiến cho Lê Thánh Tông "lo ngay ngáy khác nào vàng trong lò lửa, gạo trong cối giã" (*Tâm ưu dữ dữ như kim mê*) bởi thương cảng Vân Đồn với khách buôn xa lạ, bởi người Minh "thuyền chở lương dạt vào (1467), giặc cỏ đánh bảo Khả Lặc khiến hết viên Tây quan đô đốc Khuất Đả đánh không lại, rồi Kiêu vệ tổng tri Lê Công Nghi đi đến ứng cứu mãi không xong (cũng năm 1467), đã lại vùng Vạn Ninh bị cướp bóc (1468), rồi lại liên tục tin tức "quan lính nhà Minh đến hội khám biên giới sao đông đến thế" (1468). v.v...)

Vì thế không chỉ quan quân luôn phải huy động, mệt nhọc mà ngay Lê Thánh

Tông cũng phải đích thân tuần du An Bang, phải sắp đặt lực lượng hậu bị chi viện, phải gắn với quân Nam Sách, rồi Nam Sách với An Bang (từ 1466), Hải Dương với An Bang (năm 1473).

Đối với khu vực 3, khu vực Thiên Trường - Sơn Nam, vị trí chiến lược mà Nguyễn Trãi từ đầu thế kỷ XV đã xác định là "phên dậu" thứ nhất" ở phía Nam của Đông Kinh, sự quan tâm của nhà nước Trung ương đã là một truyền thống. Nếu Lê Thánh Tông phân công trách nhiệm cai quản, giám sát ở khu vực 1 và 2 (An Bang, Hải Dương) vị trí cận kề, núi sông liên lạc, thì vì sao cũng trong đợt xác định này, Sơn Nam xa cách dằng dặc với Thuận - Quảng mà triều Lê đã trao "*Sơn Nam, Thuận Hoá, Quảng Nam đạo giám sát ngự sử kiêm coi sáu vệ ty Điện triều, Nam quan phủ, quân dân ba ty các xứ Sơn Nam, Thuận Hoá, Quảng Nam*". Ngẫu hứng, ngẫu nhiên, nhất thời chẳng?

Không ngẫu nhiên, không tùy tiện nhất thời chút nào khi nhìn lại một quá trình:

- Năm 1466 triều Lê thay đổi xếp đặt lại quân ở năm phủ và định quân hiệu, trong đó 4/5 phủ quân gắn liền về mặt địa lý như:

Thanh Hoá - Nghệ An thuộc phủ Trung quân,

Nam Sách và An Bang thuộc phủ Đông quân.

Quốc Oai và Hưng Hoá thuộc phủ Tây quân

Bắc Giang và Lạng Sơn thuộc phủ Bắc quân

Riêng Nam quân lại gồm Thiên Trường và Thuận Hoá!

Sau đó, quân đội nhà Lê dồn dập 3 lần tập trận ở địa bàn Thiên Trường (Giao Thủy, Lỗ Giang, sông Vị).

- Hai tháng trước ngày xuất quân "Nam chinh", tháng 9 năm 1470, Lê Thánh Tông sắc dụ riêng cho Thừa tuyên phủ Thiên Trường "... *bọn người phải trưng ở các hạng quân, lại viên, sinh đồ mỗi người 15 ống gạo, hạng hoàng đình và người già mỗi người 12 ống, bắt người bị trưng thu lại phải đồ thành gạo chín, đem nạp sử ty không chậm ngày giờ*", và áp dụng hình phạt chém đầu với những ai trốn chạy không thực hiện.

Như vậy, trong thời Lê Thánh Tông, nửa sau thế kỷ XV, vùng đất Thiên Trường - Sơn Nam, nơi gắn liền với một tuyến đường giao thông huyết mạch từ Đông Kinh về phía Nam quê hương của nhà Lê, của các chuyến kinh dinh, củng cố, mở rộng biên cương phía Nam, không chỉ được tăng cường về nhiệm vụ quân sự, giao thông với phương Nam, còn thành hậu phương - nguồn hậu cần trực tiếp cho các hoạt động quân sự, kinh tế vùng Thuận - Quảng. Có thể nói ở triều Lê Thánh Tông, tiềm lực kinh tế, quân sự của Đại Việt được ưu tiên nhiều hơn cho việc phát triển vào phía Nam. Địa bàn Sơn Nam trở thành điểm xuất phát, chuẩn bị quan trọng, trực tiếp cho công cuộc ấy.

Nhiệm vụ trung tâm, thường xuyên đó đương nhiên sẽ gắn liền, chi phối và định hướng những chính sách và hoạt động, tổ chức thực hiện trên thực tế của chính quyền trung ương trên vùng đất này: từ việc thăm nom, đốc thúc của vua Lê Thánh Tông... đến tổ chức công việc đưa lính lập đồn điền, di dân đi khẩn hoang lập làng như là việc bố trí các lực lượng quân sự, kinh tế đứng chân tại chỗ ở các vị trí chiến lược trọng yếu, đắp đê biển Hồng Đức.

Nằm kẹp giữa hai khu vực ven biển như trên, sự tác động mạnh mẽ và chi phối trực tiếp của chính quyền trung ương với khu vực 1 và 3 không thể không tác động tới vùng ven biển Hải Phòng.

Hơn một lần chỉ mới là những tin tức gửi từ biên giới An Bang về thôi, cả vùng xứ Đông đã phải chuẩn bị. Chẳng hạn, năm 1448 có tin đồn "nhà Minh sai sứ sang hội khám biên giới rồi lời tâu của viên Đông đạo tham tri Trình Dục rất quan liêu "đến biên giới, không hề điều tra, chỉ nghe lời người đi đường" là có quan hai ty khâm sai phương Bắc và tổng binh trấn thủ Quảng Đông đem binh mã đến rất đông", Đông Kinh đã vừa sai các quan triều, đi hội khám, vừa sai hạ Nam Sách phủ đồng tri Lê Thiệt đem hơn 1 vạn 2 ngàn quân hợp đồng với các quan của trấn An Bang để phòng biên giới... Đây là về phía quân đội, còn dân chúng thì "bắt các quan lộ, trấn, huyện và dân phu thuộc Đông đạo phải đóng góp đầy đủ tiền gạo, trâu dê, gà vịt ngan ngỗng, rượu, thịt các thứ để đợi khao quân phương Bắc".

"Cả miền Đông xao động"!

Toàn thư chép và bình như thế.

Ấy mới là một lần, mà là tin ngoa truyền thôi, còn những năm sau, nhất là khi công việc quân sự của vùng An Bang trở lên khẩn trương, gấp rút như những năm 1467, 1468, hoặc năm 1472 khi trấn An Bang có lời tâu "người Minh sai quân lính đi theo quan hội khám của Quảng Tây sao đông thế..." Lê Thánh Tông đã sai Thái bảo Lê Cảnh Huy "hoả tốc phái người đi thăm dò, lập tức gửi công văn cho các xứ tập hợp binh mã phòng giữ".

Trong nhiệm vụ quân sự trên thực tế miền Thủy Đường (Thủy Nguyên) của đất Hải Phòng thường xuyên bị cuốn hút nhất

vào với công việc An Bang, chẳng hạn cho đến trước nửa sau thế kỷ XV, vào những năm 40 vùng Thủy Đường luôn bị phân công vào công việc tăng cường phòng thủ với An Bang. Không phải ngẫu nhiên mà trong khi các viên Chuyển Vận sứ cấp huyện các vùng khác hầu như vắng bóng trong chính sử, thì ở Thủy Đường lại nhắc đến tới 3 viên từ Nguyễn Liêm (1435), Vũ Đình Ngạn (1437) đến Dương Cháp Trung (năm 1449); việc dời những kẻ phạm tội của 2 phủ thuộc đạo Hải Tây (hai trấn Tuyên Quang, Quy Hoá) ra đặt ở Thủy Đường (năm 1449).

Tuy nhiên, từ nửa sau thế kỷ XV, khi thấy vùng An Bang "nơi ấy rất độc hại lại là cõi biên giới xa xôi, đường xá nhiều trở ngại" đã "đặt vệ quân ở trấn An Bang, lập đồn lũy ở Vạn Ninh", "chọn đặt các hương trưởng làm giáp thủ để chống giặc" thì sức ép của "công việc An Bang" với miền Thủy Nguyên đã giảm đi nhiều.

Khi đặt vào khung cảnh của vùng ven biển Bắc Bộ nửa cuối thế kỷ XV, so sánh với 2 khu vực trên, rõ ràng vùng Hải Phòng thời đó ít bị cuốn hút trực tiếp vào các công việc quốc phòng, an ninh của triều Lê Thánh Tông.

Lưu ý một điều là việc an nguy, phát triển của quốc gia thời phong kiến nói chung, của thời Lê Sơ, mà điển hình là thời Lê Thánh Tông là "nhìn từ Đông Kinh" - qua lăng kính của Đông Kinh - từ tư duy chính trị thời Nho giáo cực thịnh, trên nền tảng kinh tế của một xã hội nông nghiệp. Thời Lê sơ đã lấy việc tăng cường kinh tế tiểu nông, lấy việc chấn, be qua những con dê (như vùng ven biển Thiên Trường = dê Hồng Đức) hay hệ thống đồn lũy ở Vạn Ninh, Tân Yên", "chọn đặt các hương trưởng làm giáp thủ để trông coi lẫn nhau", "lấp các đường quan ải, không

chờ mở đường đi lại làm mất thế hiểm trở của vùng An Bang "...), để tạo ra, duy trì sự ổn định, an ninh của đất nước. Vì thế, càng được Đông Kinh quan tâm, chú trọng đốc thúc, chỉ đạo và đầu tư, thì cái sản phẩm tất yếu của nó không thể là cái gì khác cái chất nông nghiệp, sự "kìm nén, đóng cửa" càng được khắc hoạ, tăng cường. Và ngược lại, vùng ven biển Hải Phòng ít được chú trọng, ít "quan tâm chăm sóc" hơn của một triều đình, một hệ thống chính sách như vậy thì trước hết cũng bớt đi những khía cạnh trên. Nói một cách khác, so với hai khu vực 1 và 2 thì vùng Hải Phòng nửa cuối thế kỷ XV có điều kiện, chủ quan và khách quan tạo ra sự thoảng, mở, hơn về cơ sở kinh tế, xã hội, văn hoá.

Chưa và hiện không có điều kiện để lượng hóa được cái thoảng, cái mở - đã xây nên hay manh nha từ thế kỷ ấy trên khu vực Hải Phòng ra sao.

Cái chất thoảng, mở ấy của vùng đất ít được/bị triều đình nhà Lê "quan tâm, chú trọng" với việc các viên quan trực tiếp phụ trách các lĩnh vực của vùng thừa tuyên Nam Sách rồi Hải Dương ít được thăng quan hơn so với vùng Thiên Trường?

Cái dị ứng của vùng đất ven biển thuở ấy với tư tưởng Nho giáo độc tôn, đóng kín, ràng giũ của chính quyền Đông Kinh có thể hiện gì qua việc hay xuất hiện "điềm lạ", hay sử dụng các hình thức tín ngưỡng dân gian, "dị đoan" so với đạo Nho chính thống đương thời hơn chăng? (hai lần sử ghi có "rồng vào cửa biển Đại Toàn, vào bến sông Hóa năm 1443; chuyện trước khi là Tiến sĩ đệ nhất giáp năm 1502, Lê Ích Mộc - người Thanh Lân, Thuỷ Đường là đạo sĩ; những năm 1511, 1516 " hào kiệt và thuật sĩ đều nói rằng ở phương Đông có khí sắc thiên tử, vua sai Nghĩa

Quốc công Nguyễn Văn Lang đem thuật sĩ ra Đồ Sơn để trấn áp; "Trần Cảo tự xưng Đế Thích giáng sinh, mặc áo đen, quân đều trọc đầu" v.v...).

Trong gần một thập kỷ qua các nhà sử học đã cố gắng nhiều để tìm hiểu chất thoảng, các bước phát triển kinh tế, văn hoá của vùng đất Hải Phòng thế kỷ XVI qua việc nghiên cứu về Vương triều Mạc. Từ bức tranh Hải Phòng thời Mạc cũng giúp ích cho việc suy ra, nhìn lại phần nào tình hình thời Lê Sơ (5).

Cách ấy đương nhiên là chưa đủ, là thiếu khách quan bởi một khi đã nắm được chính quyền, đã thành vương triều Mạc rồi, thì trong câu thúc của tương quan giữa chính quyền và cơ sở không còn như trước nữa. Mạc Đăng Dung dẫu chỉ là con nhà nghèo, xuất thân đánh cá, kẻ ở bên lề xã hội Nho giáo, và không thực tâm với việc trung hưng Nho học, thì khi đứng trên cương vị vua cả nước (chứ không phải chỉ là thủ lĩnh của vùng Hải Dương, Hải Phòng) để lấy lòng một thế lực xã hội phổ biến ở cả nước lúc bấy giờ cũng đã phải thi hành việc đề cao Nho, trọng khoa cử Nho.

Không nên quên gần một phần tư thế kỷ của thời Lê sơ tính từ sau khi Lê Thánh Tông mất, cái triều đình - di sản mà Lê Thánh Tông đã cần mẫn, lao tâm khổ tứ dựng xây đã bị đả kích liên tục, từ mọi địa bàn với nhiều động cơ, mục tiêu khác nhau. Không tính các cuộc đảo chính ở cung đình mà mục tiêu cuối cùng vẫn là nhằm thiết lập vẫn một triều đình Lê chỉ không có những Lê Tương Dực, Lê Uy Mục. Trong bão triều phản kích liên tục từ Thanh, Nghệ, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Sơn Tây... vào các cấp chính quyền của Đông Kinh ở hai thập kỷ thế kỷ XVI, thì chỉ có một nơi, một cuộc khởi nghĩa mà

người tổ chức có lực lượng mạnh mẽ hơn cả, không cần đến một danh nghĩa Nho giáo, chính thống nào, đã phủ định ngay từ đầu không phải một ông vua Lê, mà cả triều Lê. Đó là cuộc khởi nghĩa Trần Cảo. Về phương diện này, cuộc khởi nghĩa của Trần Cảo từ địa bàn Thủy Nguyên (thuộc Hải Phòng giáp Hải Dương ngày nay) mùa Xuân năm 1516 trở thành một biểu hiện tập trung, một "chất chỉ thị" khách quan, không thể thiếu được về tình hình chính

trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của vùng đất Hải Phòng đến trước khi thành lập nhà Mạc. Nói cách khác chính "sự lãng quên" của triều đình phong kiến trung ương thời Lê Sơ với vùng đất ven biển Bắc Bộ - nằm kẹp giữa Sơn Nam và An Bang, (tương đương với vùng đất Hải Phòng ngày nay) đã làm tiền đề quan trọng để bùng dậy một tiềm lực chính trị - quân sự - kinh tế - văn hóa- triều Mạc ở vùng đất này đầu thế kỷ XVI.

CHÚ THÍCH

(1). Những chữ in nghiêng không có chú thích trong bài này, trích từ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Bản dịch, tập II. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.

(2). Chẳng hạn xem: Phan Huy Lê. *Kinh tế nông nghiệp thời Lê sơ*. Nxb. Sử học, Hà Nội, 1959.

Hội Sử học Hải Phòng - Viện Văn học. *Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm*, 1991.

Đại học Quốc gia Hà Nội - Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn. *Lê Thánh Tông - Con người và sự nghiệp*. Hà Nội, 1997.

Ban nghiên cứu và biên soạn lịch sử Thanh Hoá. *Thanh Hoá thời Lê*. Kỷ yếu hội nghị khoa học, 1997.

(3). Chẳng hạn xem: Viện Nghiên cứu Hán Nôm. *Thơ chữ Hán Lê Thánh Tông*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994. Các bài "Đông tuần qua An Lão" (Đi tuần phía Đông qua An Lão), tr. 272;

"Đông tuần hiểu phát Cẩm giang" (Đi tuần về phía Đông, buổi sáng rời sông Cẩm), tr. 274; "Quá Nam Triệu" (Qua Nam Triệu), tr. 302; "Du Húc hải môn" (Đi chơi cửa biển Húc), tr. 320; "Quá Bạch Đằng giang" (Qua Sông Bạch Đằng), tr. 324; "Xuất Bạch Đằng hải môn tuần An Bang" (Ra cửa biển Bạch Đằng, đi tuần An Bang), tr. 324.

(4). Vì khuôn khổ bài viết có hạn, tác giả không thể đưa vào một tập phụ lục thống kê theo *Đại Việt sử ký toàn thư* các sự kiện có liên quan đến 3 vùng đất này thời Lê Sơ.

(5). Xem: Viện Sử học. *Vương triều Mạc*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.

Trần Quốc Vượng với các bài: *Về Lê Thánh Tông (1442-1497) (Mấy điều giải ảo hiện thực lịch sử Việt Nam thế kỷ XV); Về gốc tích Mạc Đăng Dung*. In trong *Văn hoá Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*. Nxb. Văn hoá Dân tộc, Hà Nội, 2000.